Ký bởi: Sở Y tế
Email: vanthu_soyt@hanoi.gov.vn
Ngày ký: 2019-10-24 17:28:54 +07:00

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRUNG TÂM CẤP CỨU 115 TP HÀ NỘI
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 4224
Ngày 25 tháng 10 năm 2019

Số: 4660 /TB-SYT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019

THÔNG BÁO
Thi tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019

Thực hiện Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019, Sở Y tế Hà Nội xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. Về chỉ tiêu thi tuyển viên chức 2019:

Tổng chỉ tiêu thi tuyển: 4.447 chỉ tiêu, trong đó:

- Các chức danh nghề nghiệp hạng III (yêu cầu trình độ đào tạo từ đại học trở lên): 2.142 chỉ tiêu.

- Các chức danh nghề nghiệp hạng IV (yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng, trung cấp trở lên): 2.288 chỉ tiêu.

- Các chức danh nghề nghiệp áp dụng trình độ từ cao đẳng trở lên: 17 chỉ tiêu.

- Về Chi tiết số lượng theo chuyên ngành, ví trí tuyển dụng, đơn vị tuyển dụng được phê duyệt tại Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND thành phố Hà Nội được đăng tải trên cổng giao tiếp điện tử của UBND Thành phố và trên Website của Sở Y tế (*http://soyte.hanoi.gov.vn).*

II. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn tham gia dự tuyển:

1. Điều kiện, tiêu chuẩn:

Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký thi tuyển vào viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế Hà Nội năm 2019:

a) Có quốc tịch Việt Nam, cư trú tại Việt Nam;

b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có Phiếu đăng ký thi tuyển;

d) Có Lý lịch rõ ràng;

e) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.;

g) Đủ sức khoẻ để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;

h) Những người sau đây không được đăng ký thi tuyển viên chức:

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

2. Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Người đăng ký dự thi tuyển viên chức nộp trực tiếp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu vào một vị trí việc làm *(nếu đăng ký thi tuyển vào từ 2 vị trí trở lên*

sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi), người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp Phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong Phiếu;

- Sau khi có Thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển đến đơn vị đăng ký tuyển dụng để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

- Trường hợp người trúng tuyển không đến cơ quan đăng ký tuyển dụng để hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

III. Hình thức, nội dung tuyển dụng.

1. Hình thức tuyển dụng: Thi tuyển 2 vòng thi theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; cụ thể như sau:

1.1. Thi Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức thi trên máy vi tính. Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần thi (Vì tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi Tin học):

- Phần I:

+ Thi Kiến thức chung: 60 câu hỏi về pháp luật viên chức; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và những hiểu biết cơ bản về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; chức trách, nhiệm vụ của viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Thời gian thi: 60 phút.

- Phần II:

+ Thi Ngoại ngữ: 30 câu hỏi của một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc

+ Thời gian thi: 30 phút.

+ Đối với vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn là ngoại ngữ thì người dự tuyển không phải thi ngoại ngữ tại vòng 1.

- Miễn phần thi ngoại ngữ (vòng 1) đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học về ngoại ngữ;

+ Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học ở nước ngoài hoặc tốt nghiệp đại học, sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam;

+ Người dự tuyển làm viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định ở Phần trên mục này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định của Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018.

- Kết quả vòng 1 thi trên máy vi tính, thí sinh được biết ngay sau khi làm bài thi trên máy vi tính; không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

1.2. Thi Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Nội dung thi:

+ Kiến thức, năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển viên chức theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển dụng.

+ Sở Y tế tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành bảo đảm phù hợp với yêu cầu của từng vị trí việc làm cần tuyển và sẽ thông báo nội dung ôn tập, tổ chức ôn tập cho thí sinh cụ thể sau.

- Hình thức thi: Thi viết trên giấy.

- Thang điểm thi viết: 100 điểm.

- Thời gian làm bài thi: 180 phút.

1.3. Thời gian tổ chức thi vòng 1, vòng 2: Sở Y tế sẽ có thông báo cụ thể.

2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức.

2.1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 đạt từ 50 điểm trở lên;

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Sở Y tế Hà Nội quyết định người trúng tuyển.

2.3. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: được cộng 5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

d) Trường hợp người dự tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại điểm a,b,c thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo các quy định về ưu tiên trong tuyển dụng viên chức của tiểu mục 2.3 mục 2 phần III của Kế hoạch này.

2.4. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

3. Chấm thi và phúc khảo kết quả bài thi:

Quy trình chấm thi và chấm phúc khảo bài thi, thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng tuyển dụng ban hành các quy trình theo quy định và theo thẩm quyền được phân cấp.

2. Lệ phí dự tuyển:

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 300.000/thí sinh.

- Địa điểm thu lệ phí: Tại đơn vị đăng ký dự tuyển được phê duyệt trong Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội.

IV. Thời gian tổ chức thực hiện.

1. Thời gian, địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Dự kiến từ ngày 11/11/2019 đến hết ngày 11/12/2019.

- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Tại các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng *(có danh sách kèm theo)*.

2. Thời gian, địa điểm tổ chức thi tuyển vòng 1 và vòng 2 và các công việc tiếp theo: Sở Y tế sẽ thông báo cụ thể trên website, bảng tin của Sở Y tế Hà Nội và trên website (nếu có), bảng tin của các đơn vị tuyển dụng.

Yêu cầu: Các ứng viên đăng ký dự tuyển, thường xuyên theo dõi trên Website: *http://soyte.hanoi.gov.vn*, bảng tin của Sở Y tế Hà Nội và trên website, bảng tin của các đơn vị tuyển dụng để kịp thời cập nhật các thông tin liên quan đến kỳ tuyển dụng viên chức năm 2019.

Trên đây là Kế hoạch triển khai tổ chức thực hiện Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các đơn vị báo cáo Sở Y tế xem xét giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Sở Nội vụ (để phối hợp thực hiện);
- TT KSBT TP. Hà Nội (để đăng tải trên Website của Sở Y tế);
- Các đơn vị tuyển dụng (để thực hiện);
- Lưu VT, TCCB. (6)

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N V.N
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Khắc Hiền

TỔNG HỢP NHU CẦU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SYT ngày tháng năm 2018 của Sở Y tế Hà Nội)

Stt	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng 2019	Trong đó																													Ghi chú
			Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	Dược sỹ (hạng III)	Dược hạng IV	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật y hạng IV	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng IV	Hộ sinh hạng III	Hộ sinh hạng IV	Y sỹ (hạng IV)	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Y tế công cộng (hạng III)	Chuyên viên	Cán sự	Dân số viên hạng IV	Dan số viên hạng III	Công tác xã hội viên hạng IV	Công tác xã hội viên (hạng III)	Phóng viên (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng IV)	Văn thư	Văn thư trung cấp	Lưu trữ viên	
			V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.08.22	V.08.08.23	V.08.07.18	V.08.07.19	V.08.05.12	V.08.05.13	V.08.06.15	V.08.06.16	V.08.03.07	06.031	06a031	06.032	V.05.02.07	V.05.02.08	V.08.04.10	01.003	01.004	V.08.10.29	V.08.10.28	V.09.04.03	V.09.04.02	V.11.02.06	V.08.09.25	V.08.09.26	02.007	02.008	V.01.02.02	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*
1	BV Phụ sản Hà Nội	80	6		3	4	8	7	6	15		22		2			4			3												
2	BV Ung Bướu Hà Nội	62	28		2		5	6	6	10				2			1		1	1												
3	BV Mắt Hà Nội	25	7			1		1		12				2		1					1											
4	BV Mắt Hà Đông	58	16		1		3	1	8	21				3			1		1	2					1							
5	BV Da Liễu Hà Nội	22	5			1			1	8				1					1	4					1							
6	BV Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba	63	14		1	2				39							1	2		3	1											
7	BVĐK Hòe Nhai	21	14					1	1	3				1						1												
8	BVĐK Xanh Pôn	186	51		3	6	8	3	33	53				9		4	3	1	3	4					2			1	1		1	
9	BV Thanh Nhàn	178	48		5	8	4	10	10	58		10		10		3	2			9	1											

Stt	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng 2019	Trong đó																													Ghi chú
			Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	Dược sỹ (hạng III)	Dược hạng IV	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật y hạng IV	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng IV	Hộ sinh hạng III	Hộ sinh hạng IV	Y sỹ (hạng IV)	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Y tế công cộng (hạng III)	Chuyên viên	Cán sự	Dân số viên hạng IV	Dan số viên hạng III	Công tác xã hội viên hạng IV	Công tác xã hội viên (hạng III)	Phóng viên (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng IV)	Văn thư	Văn thư trung cấp	Lưu trữ viên	
			V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.08.22	V.08.08.23	V.08.07.18	V.08.07.19	V.08.05.12	V.08.05.13	V.08.06.15	V.08.06.16	V.08.03.07	06.031	06a031	06.032	V.05.02.07	V.05.02.08	V.08.04.10	01.003	01.004	V.08.10.29	V.08.10.28	V.09.04.03	V.09.04.02	V.11.02.06	V.08.09.25	V.08.09.26	02.007	02.008	V.01.02.02	
10	BVĐK Đống Đa	68	23		1	4	2	6		21				2		2	2	2		2										1		
11	BVĐK Hà Đông	133	44		1	4	4	9	5	39		7		7	1	2	4		3	1	1				1							
12	BVĐK Vân Đình	105	31			3	2	10	7	33		6		3		2	2	2		1	3											
13	BVĐK Đức Giang	85	27			2		8	2	27		5		3	3		1	1		4					2							
14	BVĐK YHCT Hà Nội	58	24		1	3	1	3	3	13		1		2		1	1		1	3					1							
15	BVĐK Đông Anh	86	24		3	1	2	10	1	34		2		1	1		2	2		3												
16	BVĐK Quốc Oai	61	25		1	1	1	2	5	14		6		1			1			3							1					
17	BVĐK Ba Vì	76	24			4	1	11	2	18		3			4		2		1	4					2							
18	BV Phục hồi chức năng	22	3		1		3	4		6				1				1		2					1							
19	BV Phổi Hà Nội	62	17			3		6	1	25				1	1		3			3							2					
20	BVĐK Mỹ Đức	27	15							10		1						1														
21	BV Tâm thần Hà Nội	61	21		1	2	2	2	4	15							2	1	1	4					6							
22	BV Tâm thần Mỹ Đức	29	11					2		12				1			1		1	1												
23	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	10	2			1		2		2				1						2												

Stt	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng 2019	Trong đó																													Ghi chú
			Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	Dược sỹ (hạng III)	Dược hạng IV	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật y hạng IV	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng IV	Hộ sinh hạng III	Hộ sinh hạng IV	Y sỹ (hạng IV)	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Y tế công cộng (hạng III)	Chuyên viên	Cán sự	Dân số viên hạng IV	Dan số viên hạng III	Công tác xã hội viên hạng IV	Công tác xã hội viên (hạng III)	Phóng viên (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng IV)	Văn thư	Văn thư trung cấp	Lưu trữ viên	
			V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.08.22	V.08.08.23	V.08.07.18	V.08.07.19	V.08.05.12	V.08.05.13	V.08.06.15	V.08.06.16	V.08.03.07	06.031	06a031	06.032	V.05.02.07	V.05.02.08	V.08.04.10	01.003	01.004	V.08.10.29	V.08.10.28	V.09.04.03	V.09.04.02	V.11.02.06	V.08.09.25	V.08.09.26	02.007	02.008	V.01.02.02	
24	BV 09	35	3					1		28				1			1			1												
25	BV Bắc Thăng Long	51	33		1		1	3	5					1		1	1			4									1			
26	BVĐK Thanh Trì	48	22		1	1	1	1	3	9				3		3	2		1	1												
27	BVĐK Sóc Sơn	83	30		1	5	2	4	2	31					3		2	1		2												
28	BVĐK Sơn Tây	90	44		1	2		6	1	20				2		2	4			2					2		2	2				
29	BV Thận Hà Nội	31	4		1	2	1	2	2	13				2			1		1	2												
30	BV YHCT Hà Đông	58	26		3	3		2		18				2			1			3												
31	BVĐK Phúc Thọ	46	20				2	2	2	11		2		1	1	3				2												
32	BVĐK Thạch Thất	62	25					5	3	18		1		1			4		1	4												
33	BVĐK Đan Phượng	52	15			3		3	5	16		2		1		1	1	1		1				1	1			1				
34	BVĐK Hoài Đức	72	21				1	5		34				5		2	1	1		2												
35	BVĐK Chương Mỹ	48	10		3	2	1	5	5	12	2	2		1		1	1			2	1											
36	BVĐK Thanh Oai	47	23		1				3	11		2		2				2		1					1		1					
37	BVĐK Thường Tín	71	13			2		7	9	35		1		1			1	1		1												
38	BVĐK Phú Xuyên	100	17		2	5	4	6	10	42		5		3		1	2	1	1	1												

Stt	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng 2019	Trong đó																													Ghi chú
			Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	Dược sỹ (hạng III)	Dược hạng IV	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật y hạng IV	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng hạng IV	Hộ sinh hạng III	Hộ sinh hạng IV	Y sỹ (hạng IV)	Kế toán viên	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán viên trung cấp	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Y tế công cộng (hạng III)	Chuyên viên	Cán sự	Dân số viên hạng IV	Dan số viên hạng III	Công tác xã hội viên hạng IV	Công tác xã hội viên (hạng III)	Phóng viên (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng (hạng IV)	Văn thư	Văn thư trung cấp	Lưu trữ viên	
			V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.08.22	V.08.08.23	V.08.07.18	V.08.07.19	V.08.05.12	V.08.05.13	V.08.06.15	V.08.06.16	V.08.03.07	06.031	06a031	06.032	V.05.02.07	V.05.02.08	V.08.04.10	01.003	01.004	V.08.10.29	V.08.10.28	V.09.04.03	V.09.04.02	V.11.02.06	V.08.09.25	V.08.09.26	02.007	02.008	V.01.02.02	
39	BVĐK Mê Linh	120	64			3	3	8	4	28	1	3		1	1		1	2		1												
40	BVĐK Gia Lâm	36	18		1		2	1	1	6				2	1		1	1		2												
41	Trung tâm Cấp cứu 115 Hà Nội	28	9		1					6			8	1				1		1	1											
42	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội	82	5	28	2	1		2		9			3				10		16						1	3	2					
43	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	9			2	4								1			1			1												
44	Trung tâm Giám định y khoa Hà Nội	7	3							3											1											
45	Trung tâm Pháp y Hà Nội	18	1		2	1	2	3	1	3			4				1															
46	Trung tâm Y tế Hoàn Kiếm	89	23			6		6		16		12	15			1				1	1	5	3									
47	Trung tâm Y tế Ba Đình	70	42	2		2		1	1	8		1	3						1	1		5	3									
48	Trung tâm Y tế Đống Đa	85	25	2	3	7	2	3	2	23		1	4	3			1			3		1	5									
49	Trung tâm Y tế Hai Bà Trưng	51	12			1		2		15		3	6	2			1		2	2		2	3									